TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-ST
Ngày 22 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Ngọc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Bích G, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp Ph, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị Đ; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Văn T; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Dương Bích G trình bày: Do quen biết nhau nên trong các năm 2012, 2013 bà có cho vợ chồng ông T, bà Đ vay nhiều lần số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Đến ngày 18/7/2016 al bà Đ có làm biên nhận và hứa vài tháng sau sẽ trả vốn, lãi.

Từ sau khi vay đến nay, vợ chồng ông T, bà Đ không trả vốn, chỉ trả lãi được hơn 05 triệu đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà Đ trả lại cho bà 70.000.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản hợp lệ cho bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Văn T nhưng ông T, bà Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà G, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bích G, thấy rằng: Theo biên nhận ngày 18/7/2016 mà bà G cung cấp thể hiện bà Đ thừa nhận thiếu và viết biên nhận nợ bà G là 70.000.000 đồng.

Ông T, bà Đ đã nhận được Thông báo của Tòa án về nội dung bà G khởi kiện, cũng như đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án và tài liệu chứng cứ do bà G cung cấp nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà G. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do ông T, bà Đ không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà G nên khẳng định việc ông T, bà Đ có nợ bà G số tiền 70.000.000 đồng, nhưng sau đó không trả là có thật. Việc ông T, bà Đ không trả nợ làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà G nên buộc ông T, bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên ông T, bà Đ phải chịu 5% tương ứng với số tiền phải trả cho bà G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bích G. Buộc bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Bích G là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà G cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng ông T, bà Đ phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ và ông Huỳnh Văn T liên đới chịu là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà G có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liêu Chí Khanh